

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-02-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vy Văn Lâm.

2. Bà Vũ Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Khánh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 155/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trí C, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Trí C trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị M đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2017 thì bắt đầu có mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Chị M chơi bời không lo vun vén gia đình, không tôn trọng anh. Khoảng rằm tháng 8/2023 chị M có mua xăng đe dọa đốt nhà, nhốt anh vào nhà kho để giết anh. Anh có báo với Công an xã đến để giải quyết nhưng không lập biên bản mà chỉ nhắc nhở chị M. Anh đã nhiều lần tìm cách nói chuyện với chị M, nhưng

mâu thuẫn ngày càng trầm trọng khiến tình cảm không còn được như trước. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 8/2023 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết nên yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Có hai con chung là cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 10/3/2007 và cháu Nguyễn Xuân L, sinh ngày 27/12/2012. Anh đồng ý giải quyết theo nguyện vọng của hai con, để chị Nguyễn Thị M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con đến khi trưởng thành. Về việc cấp dưỡng, anh nhất trí cấp dưỡng theo yêu cầu của chị M tại phiên tòa là 2.000.000 đồng/tháng cho con chung là Nguyễn Xuân L đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Còn đối với cháu Nguyễn Xuân H thì anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Về quan hệ hôn nhân, quá trình đăng ký kết hôn và cưới hỏi giữa hai vợ chồng như anh C trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Từ khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, cho đến khoảng 01 năm gần đây thì bắt đầu có mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C cho rằng chị vay nợ, không cho anh C biết, ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình và ghen tuông vô cớ, thậm trí xảy ra xô xát. Anh C cũng không hỗ trợ chị trong việc nuôi con cái. Từ khoảng tháng 8/2023 anh C bắt đầu tự sinh hoạt, ăn uống riêng. Chị đã nói chuyện với anh nhiều lần nhưng không tìm được tiếng nói chung. Sự việc hôm rằm tháng 8/2023 là do chị nhận được thông báo của Tòa án về việc anh C yêu cầu ly hôn, do bị sốc nên chị có nhả tin dọa giết anh C và đi mua xăng, nhưng chỉ để đe dọa anh C với mong muốn gia đình khuyên bảo anh rút đơn ly hôn, sự việc này không ảnh hưởng gì đến tinh thần của anh C. Sau này chị cũng nhả tin với anh rất nhiều để khuyên bảo hai vợ chồng quay lại, hai bên gia đình nội, ngoại cũng nói chuyện hòa giải nhưng anh C vẫn quyết định ly hôn. Nay anh Nguyễn Trí C yêu cầu được ly hôn, chị đồng ý ly hôn vì chung sống anh không có hạnh phúc.

Về con chung: Có hai con chung là cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 10/3/2007 và cháu Nguyễn Xuân L, sinh ngày 27/12/2012. Trong trường hợp ly hôn thì chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con, chị sẽ là người có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay, chị chỉ yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi một con là Nguyễn Xuân L với mức 2.000.000 đồng/tháng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu cấp dưỡng với cháu Nguyễn Xuân H.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; các đương sự đều chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị, Hội đồng xét xử, áp dụng các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và

gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trí C và chị Nguyễn Thị M; về con chung: Chị Nguyễn Thị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 10/3/2007 và cháu Nguyễn Xuân L, sinh ngày 27/12/2012 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Điều này phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Anh Nguyễn Trí C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi một con là Nguyễn Xuân L với mức là 2.000.000 đồng/tháng đến khi trưởng thành, tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và không phải cấp dưỡng đối với cháu Nguyễn Xuân H. Anh C có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở; về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết; về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Trí C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị M hiện đang sinh sống tại thôn Đ, xã M, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các lời khai, tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2006, anh Nguyễn Trí C và chị Nguyễn Thị M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh, chị đã có những mâu thuẫn, anh Nguyễn Trí C cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, chị Nguyễn Thị M chơi bời không lo vun vén gia đình, không tôn trọng anh. Khoảng rằm tháng 8/2023 chị đã mua xăng đe dọa đốt nhà, nhốt anh vào nhà kho để giết anh; còn chị Nguyễn Thị M cho rằng anh Nguyễn Trí C ghen tuông vô cớ, thậm trí còn đánh đập chị và mâu thuẫn về kinh tế. Việc mua xăng chỉ để dọa anh Nguyễn Trí C với mong muốn anh quay lại, chứ chị không hề có ý định giết anh. Xét thấy, mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau nhưng cuộc hôn nhân của anh chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Trí C và chị Nguyễn Thị M đều nhất trí ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận anh Nguyễn Trí C và chị Nguyễn Thị M thuận tình ly hôn.

[4] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình chung sống, anh Nguyễn Trí C và chị Nguyễn Thị M có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 10/3/2007 và cháu Nguyễn Xuân L, sinh ngày 27/12/2012. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Trí C và chị Nguyễn Thị M đều thống nhất thỏa thuận chị

Nguyễn Thị M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Trí C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi một con là Nguyễn Xuân L với mức là 2.000.000 đồng/tháng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), thời điểm cấp dưỡng tính từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và không phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Xuân H. Anh Nguyễn Trí C có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Xét thấy, thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của các con (đều xin được ở với mẹ), phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Trí C và chị Nguyễn Thị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh Nguyễn Trí C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 246, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trí C và chị Nguyễn Thị M.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là Nguyễn Xuân H, sinh ngày 10/3/2007 và cháu Nguyễn Xuân L, sinh ngày 27/12/2012 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trí C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trường hợp vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Anh Nguyễn Trí C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Xuân L là 2.000.000 đồng/tháng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời

gian cấp dưỡng được thực hiện kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành. Không phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Xuân H.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Trí C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để nộp ngân sách Nhà nước. Anh Nguyễn Trí C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm án phí, lệ phí Tòa án số 0004566 ngày 07/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, anh Nguyễn Trí C còn phải nộp tiếp 300.000 đồng tiền án phí để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THA dân sự huyện Hữu Lũng;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Ngô Thảo Nguyên

